

XÂY DỰNG CÂU LẠC BỘ “SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC” - BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHAN TRỌNG NAM - DANH TRUNG*

Ngày nhận bài: 01/06/2016; ngày sửa chữa: 03/06/2016; ngày duyệt đăng: 09/06/2016.

Abstract: The article presents situation of scientific research activities of pedagogical students at Dong Thap University and difficulties facing. Based on actual state, author points out that establishment of research clubs for students is the important measure to develop research competence of pedagogical students. Research clubs are mentioned in term of purposes, contents of activities, forms of activities and management.

Keywords: Pedagogical students, scientific research club, Dong Thap university.

Trường Đại học Đồng Tháp (tiên thân là Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp) được thành lập theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp thành Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để sinh viên (SV) thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH), góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả, từ năm 2004-1/2016 đã có 421 SV thực hiện 233 đề tài NCKH, trong đó có 189 sinh viên sư phạm (SVSP) với 134 đề tài NCKH. Hàng năm nhà trường thường xuyên tổ chức hội nghị SV NCKH cấp trường để các đơn vị đào tạo lựa chọn bài viết tiêu biểu của SV trong đơn vị tham gia, trên cơ sở đó, lựa chọn những đề tài NCKH có chất lượng tham gia giải thưởng “Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam” do Bộ GD-ĐT tổ chức. Kết quả có 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 17 giải Khuyến khích, trong đó có 01 giải Nhì, 01 giải Ba và 10 giải Khuyến khích do các SVSP của nhà trường thực hiện.

Bên cạnh đó, nhà trường còn khuyến khích, tạo điều kiện cho SVSP viết bài công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, thông tin khoa học, hội nghị, hội thảo.... Kết quả, có 32 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISSN và 216 bài viết, bài tham luận đăng trong các thông tin khoa học, các hội nghị, hội thảo.

Tuy nhiên, kết quả nghiệm thu đề tài NCKH của SV trong thời gian qua chưa cao, tỉ lệ đề tài NCKH của SV nghiệm thu loại Tốt chỉ đạt 10,41%, loại Khá là 60,49%, loại Đạt là 20,3% và Không hoàn thành là 8,8%. Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ một số khó khăn chủ yếu như: - Một số cán bộ, giảng viên (GV) chưa nhận thức đúng về nghĩa vụ, trách nhiệm trong việc

hướng dẫn SV NCKH, chưa thực sự tâm huyết với hoạt động này; - Nhiều SV chưa quan tâm đúng mức với hoạt động NCKH, SV chưa thấy hết, ý nghĩa của NCKH đối với sự phát triển của bản thân; một số đơn vị đào tạo chưa triển khai đầy đủ, kịp thời kế hoạch NCKH với đội ngũ GV, SV...

1. Một số khó khăn thường gặp trong hoạt động NCKH của SVSP Trường Đại học Đồng Tháp

Qua theo dõi, đánh giá hoạt động NCKH của SVSP Trường Đại học Đồng Tháp những năm gần đây, chúng tôi nhận thấy SV còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong một số nội dung như: Xác định tên đề tài, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và khách thể nghiên cứu; giả thuyết khoa học; thu thập thông tin nghiên cứu thông qua sách báo, tài liệu thành văn; thông tin nghiên cứu qua quan sát và phỏng vấn trực tiếp; xây dựng phiếu điều tra để thu thập thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu; xử lí các thông tin có được từ phiếu điều tra và các phương pháp nghiên cứu khác; phân tích, đánh giá về kết quả nghiên cứu; viết báo cáo kết quả nghiên cứu; trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SVSP theo chúng tôi là: - Ý thức, sự đam mê, những hiểu biết về hoạt động NCKH; - Sự tận tâm hướng dẫn của GV đối với SV; - Việc bồi dưỡng, tập huấn kĩ năng NCKH, đầu tư, hỗ trợ của nhà trường cho SV trong hoạt động này.

Để đo lường, đánh giá mức độ khó khăn trong hoạt động NCKH của SVSP và các yếu tố ảnh hưởng, chúng tôi đã thiết kế 02 thang đo gồm: thang đo dành cho SVSP tự đánh giá và thang đo dành cho các GV hướng

* Trường Đại học Đồng Tháp

dẫn SVSP thực hiện các đề tài NCKH, đánh giá về mức độ khó khăn khi thực hiện hoạt động này của SVSP và các yếu tố ảnh hưởng. Các khó khăn khi thực hiện hoạt động NCKH của SVSP được chúng tôi đánh giá theo mức độ từ 1-5. Các nhận định, đánh giá được dựa trên kết quả khảo sát của 221 SV đã và đang triển khai thực hiện đề tài NCKH với 65 GV thường xuyên hướng dẫn SVSP thực hiện hoạt động này (thời gian khảo sát từ tháng 1- tháng 5/2016) (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Mức độ khó khăn của SVSP khi tham gia thực hiện hoạt động NCKH

TT	Các khó khăn thường gặp	Đánh giá của SV			Đánh giá của GV		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc	ĐTB	SD	Thứ bậc
1	Xác định tên đề tài nghiên cứu	3,00	1,03	11	3,74	0,83	1
2	Xác định mục tiêu nghiên cứu	3,01	1,02	10	3,72	0,48	2
3	Xác định nhiệm vụ nghiên cứu	2,95	1,00	12	3,46	0,53	4
4	Xác định đối tượng và khách thể nghiên cứu	3,04	1,00	8	3,09	0,63	9
5	Xác định giả thuyết khoa học	3,23	1,02	1	3,17	0,63	7
6	Thu thập thông tin nghiên cứu qua sách báo, tài liệu thành văn	3,06	1,06	6	2,45	0,71	12
7	Thu thập thông tin nghiên cứu qua quan sát và phỏng vấn trực tiếp	3,07	1,08	4	2,85	0,80	11
8	Xây dựng phiếu điều tra để thu thập thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu	3,03	1,06	9	3,22	0,70	6
9	Xử lý các thông tin có được từ phiếu điều tra và các phương pháp nghiên cứu khác	3,06	1,06	5	3,58	0,98	3
10	Phân tích, đánh giá về kết quả nghiên cứu	3,15	1,07	2	3,17	0,84	8
11	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu	3,05	1,09	7	3,25	0,79	5
12	Trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài	3,14	1,15	3	2,88	1,08	10

Kết quả đánh giá ở *bảng 1* cho thấy, mặc dù SVSP không đánh giá cao về mức độ khó khăn khi xác định đề tài nghiên cứu nhưng các GV vẫn đánh giá cao về vấn đề này, vì các em đã xác định được đề tài NCKH, đề tài đã xác định đang được triển khai thực hiện. Kết quả thống kê cũng đặt ra yêu cầu các GV, các đơn vị đào tạo cần quan tâm nhiều hơn đến việc bồi dưỡng, phát triển năng lực phân tích, đánh giá và trình bày kết quả nghiên cứu cho SV.

Kết quả đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động NCKH của SVSP được thể hiện ở *bảng 2*.

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động NCKH của SVSP

TT	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SVSP	Đánh giá của SV			Đánh giá của GV		
		ĐTB	SD	Thứ bậc	ĐTB	SD	Thứ bậc
1	Ý thức về nghĩa vụ của SVSP trong NCKH	3.30	1.01	7	2.98	0.89	7
2	Sự đam mê đối với hoạt động NCKH của SVSP	3.42	0.90	5	3.38	1.18	6
3	Bầu không khí tâm lý, truyền thống của nhà trường	3.31	0.90	6	3.55	1.23	3
4	Sự hiểu biết về hoạt động NCKH của SVSP	3.48	0.96	2	3.49	0.77	4
5	Sự hướng dẫn của GV đối với hoạt động NCKH của SVSP	3.52	1.00	1	3.82	0.90	2
6	Các lớp bồi dưỡng, tập huấn về NCKH dành cho SVSP	3.46	0.99	3	3.48	1.13	5
7	Sự đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động NCKH dành cho SVSP	3.43	3.43	4	4.11	0.79	1

Kết quả ở *bảng 2* cho thấy, cả GV và SVSP đều đánh giá rất cao về mức độ ảnh hưởng của yếu tố “sự hướng dẫn của GV đối với hoạt động NCKH của SVSP” đối với hoạt động NCKH của SV. Kết quả này đòi hỏi cần có biện pháp hữu hiệu để SVSP được tư vấn, chia sẻ nhiều hơn trong quá trình thực hiện hoạt động NCKH.

2. Xây dựng câu lạc bộ (CLB) “Sinh viên nghiên cứu khoa học” - biện pháp phát triển năng lực NCKH của SVSP Trường Đại học Đồng Tháp

2.1. Mục đích hoạt động. Tạo tiền đề và điều kiện thuận lợi nhất cho SV trong hoạt động NCKH;

giúp SV có tâm thế vững vàng, tự tin khi bước vào môi trường NCKH, ứng dụng tri thức vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT.

CLB “SV NCKH” không phải là giải pháp thay thế vai trò của GV hướng dẫn về chuyên môn khoa học mà là biện pháp mang tính hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, động viên tinh thần, ổn định tâm lí cho SV trong quá trình tham gia hoạt động NCKH; và những thông tin tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm của các GV, SV đã từng thực hiện đề tài NCKH chính là yếu tố thúc đẩy SV thực hiện tốt nhiệm vụ này.

2.2. Nội dung hoạt động:

- Các thành viên CLB sẽ chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động NCKH, phát triển các kĩ năng liên quan đến hoạt động NCKH như: xác định tên đề tài; mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và khách thể nghiên cứu; giả thuyết khoa học; thu thập thông tin nghiên cứu thông qua sách báo, tài liệu thành văn; thông tin nghiên cứu qua quan sát và phỏng vấn trực tiếp; xây dựng phiếu điều tra để thu thập thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu; xử lí các thông tin có được từ phiếu điều tra và các phương pháp nghiên cứu khác; phân tích, đánh giá về kết quả nghiên cứu; viết báo cáo kết quả nghiên cứu; trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng, đánh giá nghiệm thu đề tài...; ngoài ra, các kĩ năng về tin học, ngoại ngữ cũng cần được trang bị trong suốt quá trình tham gia hoạt động NCKH.

- Hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của SV trong quá trình tham gia hoạt động NCKH (thủ tục, tài chính, các quy định...); sinh hoạt theo chuyên đề: CLB là nơi để SV trao đổi, học hỏi và rèn luyện các kĩ năng NCKH thông qua các buổi sinh hoạt của CLB, qua việc báo cáo chuyên đề, nhận xét các báo cáo chuyên đề...

- Thông qua các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của SV về vị trí, vai trò của hoạt động NCKH và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động này.

2.3. Cơ cấu tổ chức:

- **Ban chủ nhiệm CLB:** là thường trực của CLB (gồm chủ nhiệm, 3 phó chủ nhiệm, 1 thư kí) chịu trách nhiệm chính về sự vận hành của CLB; là những SV có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có đam mê NCKH do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường giới thiệu.

- **Các tiểu ban:**

+ Ban hướng dẫn (là những SV có kinh nghiệm trong hoạt động phong trào, có học lực khá giỏi, có trách nhiệm, nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn giúp đỡ SV khóa dưới trong phạm vi quyền hạn được giao; duy trì chế độ báo cáo với ban chủ nhiệm, tham

khảo ý kiến của GV khi các vấn đề vượt quá khả năng và thẩm quyền).

+ Ban tuyên truyền (tuyên truyền, giới thiệu các hoạt động của CLB...).

+ Ban nội dung (xây dựng nội dung chi tiết cho các hoạt động của CLB).

+ Ban cố vấn (gồm các GV có năng lực, tâm huyết với hoạt động NCKH, các trợ lí và đại diện Phòng NCKH có nhiệm vụ trợ giúp CLB trong các vấn đề về nội dung, chuyên môn, kĩ thuật và kinh nghiệm...).

- **Hội viên:** SV của Trường Đại học Đồng Tháp có đam mê trong hoạt động này.

2.4. Hình thức hoạt động và cơ chế quản lí:

- **Hình thức tổ chức:** định kì tổ chức các buổi tọa đàm, báo cáo chuyên đề kết hợp các hình thức giao lưu với các diễn giả, nhà khoa học, CLB học thuật khác trong và ngoài trường; xuất bản thông tin khoa học, tập san theo chuyên đề (trên website, báo in).

- **Cơ chế quản lí:** Đoàn trường quản lí chung, giao quyền phụ trách CLB cho Ban Chủ nhiệm CLB xây dựng và vận hành hoạt động của CLB.

2.5. Điều kiện triển khai: Đoàn trường thường xuyên nắm bắt tình hình, định hướng hoạt động cho CLB gắn với từng học kì; động viên khuyến khích cả về vật chất và tinh thần cho SV tham gia tích cực, có nhiều sáng kiến trong việc xây dựng tập thể; các ban phụ trách CLB chủ động lập kế hoạch, xây dựng nội dung chương trình thiết thực với hoạt động NCKH; hình thức tổ chức phong phú, sinh động có sức lôi cuốn các thành viên tham gia; các hội viên phải có tinh thần tự giác, hăng hái tham gia và ý thức trách nhiệm đối với việc hoạt động NCKH của SV.

Trường Đại học Đồng Tháp đã quan tâm, tạo điều kiện để SV tham gia hoạt động NCKH theo quy định góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hoạt động NCKH, SV đang gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, xây dựng CLB “SV NCKH” là một biện pháp giúp đỡ SV tháo gỡ khó khăn nâng cao chất lượng hoạt động này cho SV Trường Đại học Đồng Tháp. □

Tài liệu tham khảo

[1] Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Đồng Tháp. *Chương trình số 118-Ctr/ĐTN ngày 19/8/2015, chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên năm 2015-2016.*

[2] Bộ GD-ĐT (2012). *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012, quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học.*

(Xem tiếp trang 51)

Hội Luật gia, Đoàn luật sư, Tỉnh đoàn... trong việc tuyên truyền phổ biến và GDPL cho SV. Đây là những cơ quan, tổ chức có chuyên môn về PL. Kết hợp với các cơ quan, tổ chức này sẽ làm cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến GDPL cho HS, SV đạt hiệu quả cao hơn.

3.5. Đưa học phần PL đại cương vào giảng dạy cho tất cả hệ và bậc đào tạo. Việc quy định SV phải học học phần PL đại cương là rất cần thiết vì nội dung học phần này trang bị cho SV những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và PL nói chung cũng như kiến thức cụ thể của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống PL Việt Nam hiện nay như: **Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động...**

3.6. Thành lập Trung tâm tư vấn PL cho HS, SV. Phần lớn giảng viên giảng dạy học phần PL đại cương và các học phần PL khác tuổi đời đều còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế. Vì vậy, khi lên lớp, các giảng viên chỉ chủ yếu giảng về lý thuyết, kiến thức thực tế của giảng viên còn hạn chế, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng bài giảng, thiếu sự thuyết phục đối với người học. Thông qua công tác tư vấn các vụ việc cụ thể cho HS, SV và khách hàng, giảng viên có điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu PL một cách sâu sắc, từ đó nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Trong quá trình sống và học tập tại trường, SV sẽ không tránh khỏi những vấn đề nảy sinh có liên quan đến vấn đề PL kể cả trong và ngoài trường. Thực tế cho thấy, nhiều SV có những vấn đề liên quan đến PL đã điện thoại hoặc gặp trực tiếp giảng viên nhờ tư vấn về những vấn đề khúc mắc như: xin li hôn, kinh doanh, bị lừa đảo, xâm hại tình dục, bị gây tai nạn giao thông, gây thương tích, trộm cắp, đui việc... Về cơ bản, SV rất lúng túng khi rơi vào những trường hợp như vậy. Vì vậy, nhà trường cần phải hỗ trợ thông qua công tác tư vấn, vừa giúp đỡ được các em, vừa nâng cao ý thức, kiến thức PL của HS, SV.

3.7. Nhà trường cần dành một nguồn kinh phí hàng năm và thường xuyên cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho SV. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho SV muốn đạt hiệu quả cao cần phải đa dạng về hình thức, tăng cường hoạt động thực tế tại cơ sở, gắn tuyên truyền với các hoạt động văn hóa, xã hội và để làm được điều đó cần phải có kinh phí.

3.8. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên PL. Để tiếp tục thực hiện công tác phổ biến, GDPL ngày càng quy mô, bài bản và chất lượng cao, việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên PL thực sự có năng lực, phẩm chất chính trị tốt là rất quan trọng.

Đây là chủ thể cơ bản và quan trọng nhất, quyết định đến chất lượng và hiệu quả của công tác GDPL cho HS, SV nói chung và nâng cao ý thức, kiến thức PL cho SV nói riêng. Bởi vì muốn nâng cao ý thức, kiến thức PL cho SV thì không thể thiếu công tác tuyên truyền, phổ biến và công tác này được thực hiện tốt nhất, hiệu quả nhất là thông qua các báo cáo viên PL. Đây là những chuyên gia pháp lý, có kiến thức chắc chắn, có bản lĩnh chính trị nên quá trình truyền tải kiến thức pháp lý sẽ tốt hơn.

Trong những năm gần đây, việc nâng cao ý thức, kiến thức PL cho SV nhận được sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước, điều đó đã được thể hiện cụ thể trong rất nhiều bản Nghị quyết của Đảng cũng như thể hiện trong Hiến pháp, Luật của Nhà nước. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với xã hội bằng PL, việc nâng cao ý thức, kiến thức PL cho HS, SV nói chung và cho SV Trường ĐH Hồng Đức nói riêng là rất cần thiết, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 24/9/1997 Về việc thành lập Trường Đại học Hồng Đức.*
- [2] Quốc hội (2013). *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Quốc hội (2009). *Luật Giáo dục năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).*
- [4] Bộ GD-ĐT (2006). *Sổ tay công tác phòng, chống tội phạm trong nhà trường.* NXB Giáo dục.
- [5] Bộ GD-ĐT (2007). *Cấm nang công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.* NXB Giáo dục.

Xây dựng câu lạc bộ...

(Tiếp theo trang 48)

- [3] Nguyễn Văn Đệ - Phan Trọng Nam (2015). *Hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh mới.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, (số 110, tháng 8).
- [4] Trường Đại học Đồng Tháp (2011). *Quyết định số 352/2011/QĐ-ĐHĐT-KHCN ngày 22/6/2011 về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường Đại học Đồng Tháp.*
- [5] Trường Đại học Đồng Tháp (2011). *Báo cáo số 357/BC-ĐHĐT ngày 20/7/2011, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm 2011-2015 và đề xuất kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020.*